BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**
**TP.HỒ CHÍ MINH**
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**
Số: 856 /TB - ĐHNL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022*

# THÔNG BÁO
## Về kết quả thi tuyển dụng vòng 2
## Kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2021

Căn cứ vào kết quả phỏng vấn của các Ban Kiểm tra sát hạch chuyên môn, Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM thông báo:

**1. Kết quả thi tuyển dụng vòng 2**: *cụ thể theo danh sách đính kèm*

**2. Cách xác định người trúng tuyển:**

- Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

+ Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt 50 điểm trở lên.

+ Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên là điểm thi cuối cùng. Kết quả trúng tuyển sẽ lấy theo thứ tự điểm thi cuối cùng từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm thi cuối bằng nhau thì xem xét kết quả điểm thi vòng 1.

- Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Trân trọng.

***Nơi nhận:***
- Các ứng viên;
- Thành viên HĐTD
- Lưu: HC, TCCB.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**
**CHỦ TỊCH**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

**Q.HIỆU TRƯỞNG**
**PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng**

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HCM
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

# KẾT QUẢ THI VÒNG 2
# KỲ THI TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

| STT | Họ và tên | | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Chức danh dự tuyển | Đơn vị | Bộ môn thuộc đơn vị/Vị trí việc làm theo yêu cầu tuyển dụng | Chỉ tiêu tuyển dụng theo kế hoạch | Điểm phỏng vấn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Thùy | Dung | 28/01/93 | Nữ | Giảng viên | Khoa Chăn nuôi - Thú y | BM Bệnh truyền nhiễm & Thú y cộng đồng | 1 GV | 97,2 |
| 2 | Phạm Phúc | Thịnh | 16/02/96 | Nam | Trợ giảng | Khoa Chăn nuôi - Thú y | Bộ môn Dinh dưỡng | 3 Trợ giảng | 90,2 |
| 3 | Nguyễn Kim | Ngân | 19/06/96 | Nữ | Trợ giảng | Khoa Chăn nuôi - Thú y | | | 89,2 |
| 4 | Tô Thị Hồng | Phượng | 09/02/91 | Nữ | Trợ giảng | Khoa Chăn nuôi - Thú y | | | 88,8 |
| 5 | Nguyễn Đình | Thạch | 02/02/91 | Nam | Trợ giảng | Khoa Chăn nuôi - Thú y | | | 85,8 |
| 6 | Võ Dương | Minh | 11/04/97 | Nam | Trợ giảng | Khoa Chăn nuôi - Thú y | Bộ môn Thú y lâm sàng | 02 Trợ giảng | 96 |
| 7 | Nguyễn Nhật | Tân | 13/09/96 | Nam | Trợ giảng | Khoa Chăn nuôi - Thú y | | | 90 |
| 8 | Huỳnh Hồng | Phúc | 06/03/97 | Nam | Trợ giảng | Khoa Chăn nuôi - Thú y | | | 88,6 |
| 9 | Nguyễn Thanh | Phương | 25/03/95 | Nam | Giảng viên | Khoa CN Hóa học & Thực phẩm | BM CN Hóa học | 1 GV | 81,8 |
| 10 | Bùi Phạm Thanh | Hương | 19/11/89 | Nữ | Giảng viên | Khoa CN Hóa học & Thực phẩm | BM Hóa sinh và DD người | 1 GV | 86,8 |
| 11 | Nguyễn Phú Thương | Nhân | 18/01/95 | Nam | Giảng viên | Khoa CN Hóa học & Thực phẩm | BM Hợp chất thiên nhiên | 1 GV, 1 Trợ giảng | 90,2 |
| 12 | Trần Thị Thanh | Trà | 28/10/98 | Nữ | Trợ giảng | Khoa CN Hóa học & Thực phẩm | | | 86,4 |
| 13 | Đỗ Duy | Tân | 03/11/94 | Nam | Trợ giảng | Khoa CN Hóa học & Thực phẩm | | | 77,2 |
| 14 | Nguyễn Hoàng Thảo | Ly | 22/05/89 | Nữ | Giảng viên | Khoa CN Hóa học & Thực phẩm | BM Vi sinh & PTSP | 1 GV | 84,6 |

| STT | Họ và tên | | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Chức danh dự tuyển | Đơn vị | Bộ môn thuộc đơn vị/Vị trí việc làm theo yêu cầu tuyển dụng | Chỉ tiêu tuyển dụng theo kế hoạch | Điểm phỏng vấn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Nguyễn Nhựt | Long | 28/08/96 | Nam | Trợ giảng | Khoa Cơ khí - Công nghệ | Bộ môn Công thôn | 1 Trợ giảng | 87,6 |
| 16 | Phan Trọng | Nghĩa | 18/02/96 | Nam | Trợ giảng | Khoa Cơ khí - Công nghệ | Bộ môn Cơ điện tử | 02 Trợ giảng | 89,4 |
| 17 | Hồ Văn | Nghĩa | 20/12/97 | Nam | Trợ giảng | Khoa Cơ khí - Công nghệ | | | 88 |
| 18 | Lưu Thanh | Thiên | 02/12/97 | Nam | Trợ giảng | Khoa Cơ khí - Công nghệ | BM CN Kỹ thuật ô tô | 2 Trợ giảng | 89,2 |
| 19 | Võ Huy | Thịnh | 26/09/89 | Nam | Trợ giảng | Khoa Cơ khí - Công nghệ | BM Điều khiển tự động | 2 Trợ giảng | 89,6 |
| 20 | Trần Cao Thu | Thủy | 08/04/85 | Nữ | Chuyên viên | Khoa Công nghệ thông tin | Thư ký khoa | 1 CV | 83,4 |
| 21 | Đặng Minh | Tiến | 12/04/99 | Nam | Trợ giảng | Khoa Công nghệ thông tin | Hệ thống thông tin | 1 Trợ giảng | 94.4 |
| 22 | Nguyễn Văn | Khang | 27/02/94 | Nam | Giảng viên | Khoa Khoa học | Bộ môn Giáo dục Thể chất | 2 GV | 80,1 |
| 23 | Lương Phương | Bình | 12/10/92 | Nam | Giảng viên | Khoa Khoa học | | | 78,6 |
| 24 | Lê Hữu | Trinh | 01/02/77 | Nam | Giảng viên | Khoa Khoa học | Bộ môn Hóa học | 1 GV | 89,0 |
| 25 | Nguyễn Nhựt | Hưng | 08/01/93 | Nam | Giảng viên | Khoa Khoa học | Bộ môn Toán | 2 GV | 89,7 |
| 26 | Lê Hoàng | Hải | 29/06/91 | Nam | Giảng viên | Khoa Khoa học | Bộ môn Vật lý | 2 GV | 88,3 |
| 27 | Nguyễn Thị Vân | Anh | 19/10/97 | Nữ | Trợ giảng | Khoa Khoa học Sinh học | Khoa KHSH | 2 Trợ giảng | 93,60 |
| 28 | Đặng Huỳnh Thúy | Vy | 06/02/99 | Nữ | Trợ giảng | Khoa Khoa học Sinh học | | | 89,40 |
| 29 | Nguyễn Thị | Quyên | 25/10/87 | Nữ | Giảng viên | Khoa Khoa học Sinh học | Bộ môn Sinh học ứng dụng | 1 GV | 85,60 |
| 30 | Phạm Thị Hồng | Phi | 08/12/94 | Nữ | Giảng viên | Khoa Khoa học Sinh học | Bộ môn Vi sinh ứng dụng | 1 GV | 46,80 |
| 31 | Lê Xuân | Doanh | 05/03/91 | Nam | Giảng viên | Khoa Khoa học Sinh học | | | 45,20 |
| 32 | Dương Thị Thu | Thịnh | 04/07/93 | Nữ | Giảng viên | Khoa Kinh tế | Bộ môn Quản trị kinh doanh | 2 GV | 67,7 |

| STT | Họ và tên | | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Chức danh dự tuyển | Đơn vị | Bộ môn thuộc đơn vị/Vị trí việc làm theo yêu cầu tuyển dụng | Chỉ tiêu tuyển dụng theo kế hoạch | Điểm phỏng vấn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 33 | Châu Anh | Vũ | 22/07/92 | Nam | Giảng viên | Khoa Kinh tế | Bộ môn Kế toán - Tài chính | 1 GV | 89,6 |
| 34 | Phạm Quỳnh | Mai | 10/11/93 | Nữ | Giảng viên | Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm | Bộ môn Tiếng Anh Quản lý và Không chuyên | 06 GV; 08 Trợ giảng | 89,0 |
| 35 | Nguyễn Đình Như | Hà | 12/06/88 | Nam | Giảng viên | Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm | | | 85,4 |
| 36 | Ngô Bích | Vân | 22/11/84 | Nữ | Trợ giảng | Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm | | | 84,4 |
| 37 | Nguyễn Anh | Tuấn | 07/12/85 | Nam | Trợ giảng | Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm | | | 79,2 |
| 38 | Phạm Minh | Toàn | 15/04/97 | Nam | Trợ giảng | Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm | | | 77,6 |
| 39 | Nguyễn Thị Phi | Oanh | 19/04/79 | Nữ | Giảng viên | Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm | | | 76,4 |
| 40 | Lý Ngọc Thu | Thảo | 30/06/94 | Nữ | Trợ giảng | Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm | | | 76,0 |
| 41 | Huỳnh Ngọc Thúy | An | 03/02/97 | Nữ | Trợ giảng | Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm | | | 75,0 |
| 42 | Nguyễn Tấn | Lợi | 28/02/94 | Nam | Giảng viên | Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm | | | Vắng thi |
| 43 | Nguyễn Cao | Kiệt | 04/08/94 | Nam | Giảng viên | Khoa Nông học | Bộ môn Sinh lý - Sinh hóa | 2 GV | 79,8 |
| 44 | Trần Bảo | Thắng | 20/03/91 | Nam | Giảng viên | Khoa Nông học | Bộ môn Bảo vệ thực vật | 2 GV | 44,4 |
| 45 | Huỳnh Yến | Nhi | 20/08/90 | Nữ | Giảng viên | Khoa QL Đất đai & Bất động sản | Bộ môn CN Địa chính | 2 GV | 92,4 |
| 46 | Mai Xuân | Sảng | 16/05/85 | Nam | Giảng viên | Khoa QL Đất đai & Bất động sản | Bộ môn Quy hoạch | 1 GV, 1 Trợ giảng | 97,2 |
| 47 | Trần Thị | Hải | 15/05/94 | Nữ | Kế toán viên | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Kế toán viên | 1 KTV | 90 |
| 48 | Ngô Công | Hậu | 06/08/94 | Nam | Chuyên viên | Phòng Quản lý chất lượng | CV Đảm bảo chất lượng | 1 CV | 95 |
| 49 | Lưu Thanh | Quang | 24/11/88 | Nam | Chuyên viên | Phòng Quản lý NCKH | Quản lý nghiên cứu khoa học | 1 CV | 94,3 |
| 50 | Nguyễn Thị | Liên | 03/08/82 | Nữ | Chuyên viên | Phòng Quản lý NCKH | | | 83,3 |

| STT | Họ và tên | | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Chức danh dự tuyển | Đơn vị | Bộ môn thuộc đơn vị/Vị trí việc làm theo yêu cầu tuyển dụng | Chỉ tiêu tuyển dụng theo kế hoạch | Điểm phỏng vấn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 51 | Lê Đức | Chính | 17/10/96 | Nam | Chuyên viên | Phòng Tổ chức Cán bộ | Công tác thi đua khen thưởng, pháp chế | 1 CV | 91,6 |
| 52 | Huỳnh Phương | Long | 03/02/98 | Nam | Chuyên viên | Toà soạn TC NN và Phát triển | Quản trị website, thiết kế, biên tập xuất bản | 1 CV | 91 |
| 53 | Bùi Chí | Bảo | 06/10/96 | Nam | Chuyên viên | Toà soạn TC NN và Phát triển | | | 80 |
| 54 | Hoàng Minh | Phượng | 26/05/84 | Nữ | Chuyên viên | Toà soạn TC NN và Phát triển | Biên tập viên, công tác văn phòng | 1 CV | 72 |

*Danh sách có 54 người*

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**
**CHỦ TỊCH**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

**Q. HIỆU TRƯỞNG**
**PGS.TS Huỳnh Thanh Hùng**